

Ngày thi: 05/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152220345	TRƯƠNG CÔNG	ĐUỜNG	T17XDC	4			3		3			4	3.7	Ba phẩy Bảy		
2	168222095	LÊ QUANG	LONG	T17XDC	8			7		6			5	5.9	Năm phẩy Chín		
3	178222998	ĐẶNG QUÝ	BÌNH	T17XDC	10			6		6			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
4	178222999	LƯU VĂN	CUỜNG	T17XDC	10			8.5		8			7	7.8	Bảy phẩy Tám		
5	178223000	MAI QUÝ	ĐỊNH	T17XDC	6			5		6			1	0.0	Không		
6	178223001	ĐẶNG HỮU	ĐÔNG	T17XDC	9			6		7			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
7	178223002	ĐINH MẠNH	HÀ	T17XDC	9			6		7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
8	178223003	NGUYỄN VĂN	HẠNH	T17XDC	10			8.5		8			9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
9	178223004	LÝ XUÂN	HIẾU	T17XDC	4			3		4			1	0.0	Không		
10	178223005	PHẠM TIẾN	HOÀNG	T17XDC	9			8		8			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
11	178223007	VÔ HÙNG	HÔNG	T17XDC	4			7.5		6.5			5	5.5	Năm phẩy Năm		
12	178223009	HUỲNH NGỌC	HÙNG	T17XDC	0			0		0			4	2.2	Hai phẩy Hai		
13	178223010	NGUYỄN HỮU	KHOA	T17XDC	3			7		3			1	0.0	Không		
14	178223012	TRẦN CHIÊM	PHƯỚC	T17XDC	9			7		6			8.5	8.0	Tám		
15	178223013	NGUYỄN PHƯỚC HOÀI	PHƯƠNG	T17XDC	9			7		7.5			4	5.7	Năm phẩy Bảy		
16	178223014	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	T17XDC	10			8.5		8.5			9	9.0	Chín		
17	178223015	ĐỖ PHÚ	THANH	T17XDC	6			4		6.5			4	4.7	Bốn phẩy Bảy		
18	178223016	TRƯƠNG VĂN	THỊNH	T17XDC	4			3		4			2	0.0	Không		
19	178223017	NGUYỄN VĂN	THỨC	T17XDC	9			5		6			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
20	178223018	NGUYỄN HÔNG	TRẮNG	T17XDC	10			6		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
21	178223019	ĐẶNG HỮU	TRUNG	T17XDC	7			5		6			4	4.9	Bốn phẩy Chín		
22	178223021	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	T17XDC	9			6		6.5			2	0.0	Không		
23	178223023	VỖ	TRUNG	T17XDC	3			3		4			V	0.0	Không		
24	178223024	VỖ NGỌC	TRUNG	T17XDC	0			0		0			HP	0.0	Không		
25	178223025	LƯƠNG ANH	TUẤN	T17XDC	0			0		0			HP	0.0	Không		
26	178223026	TRẦN CÔNG	TUẤN	T17XDC	4			3		4			4	3.9	Ba phẩy Chín		
27	178223027	HOÀNG	TÙNG	T17XDC	9			8		8.5			5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
28	178223028	LÊ ĐỨC	VIỆT	T17XDC	10			6.5		8			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
29	5900	NGUYỄN MINH	CÀM	K15XCD2	6			4		7			V	0.0	Không	54605DT	
30	4606	LÊ DUY	THANH	K15XCD	3			4		4			V	0.0	Không	52800DT	
31	2116	NGUYỄN HOÀNG	THUYỀN	T16XDC	7			5		6			8	7.1	Bảy phẩy Một	51475DT	
32	2099	DƯƠNG XUÂN	NGHIÊM	T16XDC	4			3		7.5			6.5	5.8	Năm phẩy Tám	54633DT	
33	2092	THÁI BÁ	LINH	T16XDC	4			3		6			4.5	4.4	Bốn phẩy Bốn	54635DT	
34	2090	NGUYỄN QUANG	LIỀN	T16XDC	6			7		7			5	5.8	Năm phẩy Tám	60455DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	21	62%	
2	Số sinh viên nợ	13	38%	
TỔNG CỘNG :		34	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi: 05/01/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				15			15		15			55	100		

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân